



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SUDICO

Địa chỉ: Tầng M3, Toà nhà CT1, KĐT Mỹ Đình, P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 0437875568; Fax: 0437875569; Email: Info@sudicodv.vn; Website: www.sudicodv.vn

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2017 **V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016**

Căn cứ: Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ SUDICO; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Dịch vụ SUDICO năm 2016; Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐQT ngày 27/6/2016 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ SUDICO về việc kiểm toán tài chính năm 2016 và kết quả và Báo cáo kiểm toán tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Dịch vụ SUDICO đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2017, xem xét thông qua Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam.

(Có Báo cáo tài chính năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam kèm theo).

Trân trọng cảm ơn !

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Lê Ninh



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60837769/18490798

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sudico

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sudico ("Công ty") được lập ngày 25 tháng 1 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

11/01/2017
OU
AM
NH
IP



Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý Kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đã Thị Tuyết Mai
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1575-2013-004-1

Đào Văn Thích
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3732-2016-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 1 năm 2017

		2016	2015
1. Tài sản không phân bổ		2.967.948.487	3.174.212.096
2. Tài sản phân bổ		6.372.294.398	6.030.109.400
3. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
4. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
5. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
6. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
7. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
8. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
9. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
10. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
11. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
12. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
13. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
14. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
15. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
16. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
17. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
18. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
19. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
20. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
21. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
22. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
23. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
24. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
25. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
26. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
27. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
28. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
29. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
30. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
31. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
32. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
33. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
34. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
35. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
36. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
37. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
38. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
39. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
40. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
41. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
42. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
43. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
44. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
45. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
46. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
47. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
48. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
49. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
50. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
51. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
52. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
53. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
54. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
55. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
56. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
57. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
58. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
59. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
60. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
61. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
62. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
63. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
64. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
65. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
66. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
67. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
68. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
69. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
70. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
71. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
72. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
73. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
74. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
75. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
76. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
77. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
78. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
79. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
80. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
81. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
82. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
83. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
84. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
85. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
86. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
87. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
88. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
89. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
90. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
91. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
92. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
93. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
94. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
95. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
96. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
97. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
98. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
99. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
100. Tài sản khác		3.894.961.210	3.894.961.210
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		14.235.104.095	14.100.104.095

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		38.566.159.523	35.732.033.164
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	10.870.130.822	7.856.120.668
111	1. Tiền		2.867.846.403	4.856.120.668
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.002.284.419	3.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		9.054.999.999	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	9.054.999.999	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		17.533.343.209	26.037.974.536
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	12.029.504.903	23.818.115.904
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	618.912.966	579.280.644
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	3.000.000.000	3.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	8.598.018.292	2.551.046.344
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 6.2, 7, 8	(6.713.092.952)	(3.910.468.356)
140	IV. Hàng tồn kho	9	1.048.730.070	1.567.112.729
141	1. Hàng tồn kho		2.519.979.096	4.951.241.037
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.471.249.026)	(3.384.128.308)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		58.955.423	270.825.231
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		58.955.423	116.271.974
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	154.553.257
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.790.848.017	1.463.325.020
220	I. Tài sản cố định		26.803.325	52.607.079
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	26.803.325	52.607.079
222	Nguyên giá		195.310.000	465.338.500
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(168.506.675)	(412.731.421)
260	II. Tài sản dài hạn khác		1.764.044.692	1.410.717.941
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		45.376.870	137.367.778
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	21.3	1.718.667.822	1.273.350.163
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		40.357.007.540	37.195.358.184



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		20.195.673.889	17.569.416.883
310	I. Nợ ngắn hạn		18.272.624.507	15.975.915.957
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11.1	3.659.820.795	5.056.596.970
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11.2	249.031.200	1.315.799.911
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	892.231.316	1.472.321.487
314	4. Phải trả người lao động		4.573.884.287	3.489.081.118
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	1.352.472.635	508.375.039
318	6. Doanh thu chưa thực hiện		1.521.026.445	970.419.411
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	14	4.726.971.940	1.966.475.746
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.297.185.889	1.196.846.275
330	II. Nợ dài hạn		1.923.049.382	1.593.500.926
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	999.622.202	528.635.650
342	2. Dự phòng dài hạn khác	15	923.427.180	1.064.865.276
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		20.161.333.651	19.625.941.301
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	20.161.333.651	19.625.941.301
411	1. Vốn cổ phần	16.3	15.000.000.000	15.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	16.4	1.934.965.091	1.717.078.610
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.226.368.560	2.908.862.691
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		378.676.596	375.298.958
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		2.847.691.964	2.533.563.733
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		40.357.007.540	37.195.358.184

31/12/16
CC
NST
VII
CH
T
/VA

mm

mm



Tạ Thị Kim Hoa
Người lập

Tạ Thị Kim Hoa
Kế toán trưởng

M Lê Mạnh Đăng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 1 năm 2017

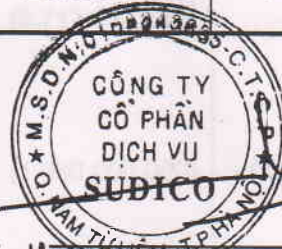
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	54.050.105.603	49.216.878.343
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	54.050.105.603	49.216.878.343
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	(42.109.581.561)	(37.732.977.429)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.940.524.042	11.483.900.914
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	268.346.069	43.728.433
22	6. Chi phí tài chính		-	(8.871.528)
25	7. Chi phí bán hàng	19	(56.409.091)	(20.363.636)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(8.784.467.559)	(8.164.156.738)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.367.993.461	3.334.237.445
31	10. Thu nhập khác		80.295.664	-
32	11. Chi phí khác		(164.074.402)	(34.877.264)
40	12. Lỗ khác		(83.778.738)	(34.877.264)
50	13. Tổng lợi nhuận trước thuế		3.284.214.723	3.299.360.181
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	(881.840.419)	(1.222.538.969)
52	15. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	21.3	445.317.659	456.742.521
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.847.691.964	2.533.563.733

[Signature]

[Signature]



Tạ Thị Kim Hoa
Người lập

Tạ Thị Kim Hoa
Kế toán trưởng

[Signature]
Lê Mạnh Thăng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 1 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		3.284.214.723	3.299.360.181
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	10	25.803.754	40.362.918
03	Các khoản dự phòng		889.745.314	2.076.102.368
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(341.982.433)	(43.728.433)
06	Chi phí lãi vay		-	8.871.528
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.857.781.358	5.380.968.562
09	Giảm các khoản phải thu		5.856.559.988	14.459.935.692
10	Giảm hàng tồn kho		2.431.261.941	346.310.022
11	Tặng/(giảm) các khoản phải trả		2.963.924.966	(10.240.839.163)
12	Giảm chi phí trả trước		149.307.459	138.345.118
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(1.581.807.992)	(1.090.790.268)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(236.038.307)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		13.677.027.720	8.757.891.656
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		-	(35.000.000)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản và tài sản ngắn hạn khác		73.636.364	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.054.999.999)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		268.346.069	43.728.433
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(8.713.017.566)	8.728.433
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	16.3	(1.950.000.000)	(1.816.100.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(1.950.000.000)	(1.816.100.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.014.010.154	6.950.520.089
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		7.856.120.668	905.600.579
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	10.870.130.822	7.856.120.668

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



Tạ Thị Kim Hoa
Người lập

Tạ Thị Kim Hoa
Kế toán trưởng

[Handwritten signature]
Lê Mạnh Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 1 năm 2017